

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC HUNG ĐẠO
Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 08 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 07 /QĐ-TrTHCSTA ngày 07 tháng 01 năm 2023 của trường THCS Trảng An về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý 4 năm 2022;

Trường Tiểu học Hưng Đạo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2022 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý IV	Thực hiện quý IV/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý IV nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	466.000.000	548.850.000		
I	Số thu phí, lệ phí	466.000.000	548.850.000		
1	Học phí	466.000.000	548850000		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.252.092.500	4.411.776.650	101	132
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.044.000.000	4.204.323.750	101	135
1	Chi thanh toán cho cá nhân	2.598.750.000	3.148.134.613		125
	Mục 6000: Tiền lương	1.426.000.000	1.377.225.279		103
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				0
	Mục 6100: Phụ cấp lương	730.000.000	681.448.998		103
	Mục 6200: Tiền thưởng	11.250.000	11.250.000	92	

	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	2.000.000	4.000.000	71	198
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	420.000.000	431.435.781	99	115
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	9.500.000	137.099.200		154
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	326.250.000	445.381.637	78	87
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	28.000.000	28.220.142	70	44
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	79.000.000	78.144.000	90	206
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	19.000.000	19.733.000	41	97
	Mục 6650: Hội nghị	-			0
	Mục 6700: Công tác phí	39.000.000	45.080.000	46	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	57.250.000	57.037.200	106	71
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	52.000.000	52.210.000	54	39
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-		0	0
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	52.000.000	166.158.900	128	133
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	-		154	0
3	Các khoản chi khác	119.000.000	610.807.500	593	660
	Mục 7750: Chi khác	119.000.000	610.807.500	593	660
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	208.092.500	207.452.900	100	94
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	58.092.500	57.452.900	100	128
	Mục 6100: Phụ cấp lương	43.092.500	42.452.900		144
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	15.000.000	15.000.000		97
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	150.000.000	150.000.000	0	85
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng	150.000.000	150.000.000	0	85

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Đông